

Anh Sơn, ngày 05 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Đình H – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện A, tỉnh N

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện A, tỉnh N

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1, Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn 08, xã L, huyện A, tỉnh N.

2, Chị Trần Thị Tr – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 08, xã L, huyện A, tỉnh N.

3, Chị Trần Thị H – sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện Đ, tỉnh N.

4, Cháu Trần Mai Khánh Ng – sinh năm 2007

Địa chỉ: thôn Tr, xã Đ, huyện T, tỉnh N.

Đại diện cho cháu Trần Mai Khánh Ng: Chị Mai Thị H– sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn Tr, xã Đ, huyện T, tỉnh N.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Đình H và chị Nguyễn Thị H.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đình Gia H – Sinh ngày 03/4/2012 cho anh Trần Đình H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Nguyễn Hoài A– Sinh ngày 13/11/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Đình H, chị Nguyễn Thị H.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

2/ Về tài sản chung:

Anh Trần Đình H, chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng:

01 ngôi nhà cấp bốn, cột gỗ, lợp ngói, nền lát gạch xây dựng năm 2014 có giá 70.986.000 đồng; 01 mái tôn phía trước nhà chính làm vào năm 2016 có giá 7.534.000 đồng; 01 mái tôn che sân giếng, nhà bếp làm vào năm 2018 có giá 3.928.000 đồng; 01 nền láng xi măng xây dựng năm 2016 có giá 464.640 đồng; 01 chuồng bò xây vào năm 1993, xây dựng sửa chữa lại vào năm 2011 có giá 11.409.000 đồng; 01 sân láng xi măng xây dựng vào năm 2016 có giá 1.309.000 đồng; cổng láng xi măng dây dựng vào năm 2020 có giá 924.000 đồng; Đường dẫn ra cổng láng xi măng làm vào năm 2020 có giá 3.238.000 đồng; 01 nhà để rơm xây gạch tấp lô, lợp tôn xây dựng vào năm 2020 có giá 18.874.000 đồng; Vật nuôi: 01 con bò mẹ 09 năm tuổi có giá 16.000.000 đồng, 01 con bò mẹ 07 năm tuổi có giá 14.000.000 đồng, 01 con me (1,5 tháng tuổi) có giá 2.500.000 đồng. Toàn bộ tài sản tọa lạc trên thửa đất số 398, tờ bản đồ 23 tại thôn 14 (Nay là thôn 8), xã L, huyện A, tỉnh N

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị T được giao là 151.166.640 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng*).

Bà Nguyễn Thị T được quyền nhận lại các tài sản do anh Trần Đình H, chị Nguyễn Thị H giao.

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị H công sức đóng góp trong việc tạo dựng tài sản chung với số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Chị Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) do bà Nguyễn Thị T thanh toán. Ngày 25/8/2022 bà Nguyễn Thị T đã giao đầy đủ số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) cho chị Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Đình H, bị đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Trần Đình H số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0000003 ngày 04/10/2021 tại Chi cục THADS huyện A, Nghệ An.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Văn Phú